TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh.

Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1285/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Kim N, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 14 tháng 12 năm 2018 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L trình bày: Anh và chị Huỳnh Kim N chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2005. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, chị N cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình nên thường xuyên gây gổ, dù anh đã nhiều lần khuyên nhủ, nhưng chị N vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh và chị N đã

ly thân từ tháng 1 năm 2018 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh xin ly hôn với chị Huỳnh Kim N.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Tấn P, sinh ngày 02/12/2005 và Nguyễn Huỳnh Anh K, sinh ngày 29/10/2014. Từ khi ly thân đến nay, hai con do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, anh L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng chị N vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Tấn L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Kim N; chị N có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Kim N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2005 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, anh L cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, chị N cờ bạc, không quan tâm đến chồng con dù anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên anh và chị N đã ly thân từ tháng 1 năm 2018 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với chị Huỳnh Kim N, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của anh L nhưng chị N không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh L. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị không có thiện

chí để hàn gắn trong khi thời gian ly thân đã lâu. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống chung vợ chồng của anh chị đã không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Anh L trình bày anh và chị N có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Tấn P, sinh ngày 02/12/2005 và Nguyễn Huỳnh Anh K, sinh ngày 29/10/2014. Từ khi ly thân đến nay, anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Đối với chị N, dù đã được thông báo về yêu cầu nuôi con chung của anh L nhưng chị không đến Tòa án cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án.

Xét thấy, từ khi anh L và chị N xa nhau đến nay, anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Tại bản tự khai, con chung Nguyễn Huỳnh Tấn P cũng có nguyện vọng được sống với anh L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Anh L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị N không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Anh L trình bày không có; chị N không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn L đối với chị Huỳnh Kim N về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn L được ly hôn với chị Huỳnh Kim N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Tấn L được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Tấn P, sinh ngày 02/12/2005 và Nguyễn Huỳnh Anh K, sinh ngày 29/10/2014. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003759 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh